

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 818: Cúng Đường, Nói Tóm Lại, Chính Là Ẩm Thực, Y Phục, Ngọa Cụ, Thang Dược, Gọi Là “Tứ Sự Cúng Đường”

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 069)

Chuyên ngữ: Tịch Minh



【Cúng đường, nói tóm lại, chính là ẩm thực, y phục, ngọa cụ, thang dược, gọi là tứ sự cúng đường.】

Đây là nói một cách đơn giản, Phật trong giới kinh thường xuyên giảng rằng, đệ tử Phật tại gia có nghĩa vụ phải cúng đường đệ tử Phật xuất gia. Vì sao vậy? Bởi vì đệ tử xuất gia đã từ bỏ sự nghiệp sản xuất, do đó cuộc sống phải nương cậy vào sự cúng đường của các đồng tu tại gia. Tại sao lại từ bỏ sự nghiệp sản xuất? Để chuyên tâm tu học, tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sinh, các ngài làm công việc này. Cho nên đây là điều mà đồng tu tại gia nên cúng đường; nếu không có những người phát tâm này, Phật pháp ở thế gian sẽ đoạn tuyệt, sẽ không thể truyền lại cho đời sau, đây là điều chúng ta phải biết. Nhưng Phật nói rất hay, điều này có làm tăng thêm gánh nặng cho đồng tu tại gia hay không? Không hề. Phật nói đồng tu tại gia cúng đường người xuất gia là có giới hạn, chỉ trong bốn việc này thôi. Phải cúng đường ẩm thực (thức ăn), năm xưa Phật còn tại thế, đó là chế độ khát thực (thác bát), cho nên người xuất gia đi khát thực, [thì tín đồ] nhất định phải cúng đường, cúng đường thức ăn cho các ngài. Phải cúng đường y phục, y phục của các ngài không nhiều, ở Ấn Độ chỉ có “tam y nhất bát” (ba y một bát). Y phục không phải là thứ thường xuyên cúng đường, nhưng ẩm thực thì phải cúng đường mỗi ngày. Y phục mặc rách không thể mặc được nữa thì mới cúng đường thêm một bộ, các ngài cũng không được phép có nhiều y phục. Tiếp đến là ngọa cụ (đồ trải để nằm ngủ), người xuất gia thời đó có cuộc sống vô cùng thanh khổ, “nhật trung nhất thực, thụ hạ nhất túc” (mỗi ngày ăn một bữa giữa ngo, ngủ một đêm dưới gốc cây), thời Đức Phật còn tại thế là như vậy, hoàn toàn không có nhà để ở. Ngủ một đêm dưới gốc cây, bên dưới có trải một vật để lót, chúng ta bây giờ gọi là ‘cụ’ (tấm trải). Thế nhưng hiện nay ngọa cụ của người xuất gia đã không còn dùng

làm tấm lót để ngủ nữa, các ngài lấy nó làm tọa cụ (đệm bái Phật) để lạy Phật. Trong các buổi đại lễ của Phật môn chúng ta, khi vị Lão Hòa thượng chủ lễ đứng ở vị trí chính giữa lạy Phật và thực hiện nghi thức trải tọa cụ (gọi là ‘trải cụ’), thực chất tấm cụ đó vốn là ngọa cụ ngày xưa, không phải để trải lên đệm lạy Phật đâu, là ngọa cụ, công dụng ngày nay đã thay đổi rồi. Hiện nay chúng ta vẫn còn giữ vật này, thực ra mà nói là mang tính chất kỷ niệm, để biết được cuộc sống ngày xưa thanh khổ như thế nào, cuộc sống của chúng ta bây giờ đã quá sung sướng rồi, nếu không dụng công, không nỗ lực thì có lỗi với người xưa, là để chúng ta sinh tâm tầm quý, ý nghĩa là như vậy. Thang dược, đây là khi ốm đau bệnh tật thì nhất định phải cúng dường thuốc thang chữa bệnh, đây gọi là “tứ sự cúng dường”. Ngày xưa người xuất gia chỉ tiếp nhận những thứ này.

Một ngàn năm sau khi Thế Tôn diệt độ, Phật giáo truyền đến Trung Quốc. Truyền đến Trung Quốc rồi, chúng ta phải biết rằng, hệ tư tưởng của người Trung Quốc, cũng tức là cách nhìn về vũ trụ nhân sinh, không giống với người Ấn Độ, phương thức sinh hoạt của người Trung Quốc cũng không giống. Những vị cao tăng đại đức quá khứ khi đến Trung Quốc, các ngài vô cùng thông minh, muốn độ người Trung Quốc thì Phật pháp bắt buộc phải được Trung Quốc hóa. Phương thức sinh hoạt hoàn toàn theo kiểu của người Trung Quốc, nên người Trung Quốc chúng ta hoan nghênh, rất ưa thích, đối với chúng ta chỉ có sự tiện lợi chứ không có chỗ nào không tốt. Thế là y phục chúng ta mặc, chính là mặc áo Hải thanh. Hải thanh là y phục của Trung Quốc, đây không phải là của Phật môn, Phật môn chỉ có một tấm y khoác ngoài thôi. Hơn nữa tấm y khoác ngoài này, ở Trung Quốc chúng ta lại thu nhỏ nó lại, chỉ bằng một phần ba kích thước của y nguyên bản. Trước kia chúng ta dùng dây để buộc, buộc dây thì phiền phức, bây giờ dùng móc gài, đỡ tốn công hơn nhiều. Tấm y nguyên bản đó, hiện nay Phật giáo Tiểu thừa ở Sri Lanka, Thái Lan vẫn giữ nguyên, tấm y đó rất lớn, quấn quanh người, y nguyên bản là như thế. Trung Quốc chúng ta thu nhỏ nó lại, tiện lợi hơn trước rất nhiều, đó là Trung Quốc hóa. Tại sao chúng ta lại có y phục riêng? Bởi vì Trung Quốc chúng ta nằm ở phía Bắc Ấn Độ, khí hậu tương đối lạnh lẽo, ba y (tam y) tuyệt đối không thể giữ ấm được, cho nên chúng ta mặc y phục của chính mình, rồi khoác y lên bên ngoài để biểu thị ý nghĩa kỷ niệm, trang phục vẫn là trang phục của chính chúng ta. Áo Hải thanh là trang phục thời nhà Hán, thời nhà Hán, những người đi học thông thường, đại khái là những người không làm việc chân tay nặng nhọc, đều

mặc trang phục này, áo chùng dài, ống rộng, tay áo rất to. Đây là y phục của Trung Quốc, đây không phải là y phục của người xuất gia.

Sự khác biệt về y phục giữa người xuất gia và người tại gia về sau là người xuất gia mặc y phục giản dị; còn người tại gia nhất định có thêu hoa văn, trên tay áo, trên cổ áo đều thêu hoa văn, hoa văn đại biểu cho thân phận. Thời xưa, người có thân phận như thế nào thì thêu hoa văn như thế ấy, để tiện cho việc hành lễ, trong xã hội phân chia tôn ti cao thấp, tiện bề hành lễ. Ngày xưa Hoàng đế cũng mặc trang phục này, ngài thêu rồng, là rồng năm móng, loại rồng năm móng đó là dành cho Hoàng đế mặc. Còn rồng bốn móng, quý vị nhìn kỹ xem, loại có bốn móng đó là trang phục dành cho bậc Thân vương, địa vị đó đã giáng xuống một bậc. Ba móng, thì địa vị lại càng thấp hơn. Trong hoàng tộc tuy đều là long bào, nhưng nhìn xem số lượng móng nhiều ít ra sao, cấp bậc được phân chia từ đó, quý vị chú ý nhìn là sẽ thấy. Y phục của văn võ bá quan gọi là chương phục (trang phục có hoa văn quy định cấp bậc), họa tiết đại biểu cho cấp bậc, màu sắc của y phục cũng đại biểu cho thân phận, đại biểu cho giai cấp. Người xuất gia mặc “tổ phục” (y phục màu trơn, giản dị), ngày xưa người xuất gia mặc màu đen, màu xám, mặc màu xám, màu đen thì đều không có hoa văn, là như vậy. Về sau, trong chốn Phật môn, mỗi khi Lão Hòa thượng chủ trì pháp hội, do đại chúng mong muốn đạo tràng thêm phần trang nghiêm, nên đã đổi y phục sang màu vàng, ca sa thì đổi thành màu đỏ, thực chất mà nói đều là không đúng như pháp. Ca sa đúng pháp phải gọi là “tạp sắc y” (y pha màu), “nhiễm sắc y” (y nhuộm màu), hiện nay chúng ta gọi là màu cà phê đậm, màu sắc đại khái là như vậy, nó là do các loại màu sắc pha trộn lại để nhuộm thành. Những kiến thức thường thức như thế này, chúng ta cũng phải hiểu.

Người thời nay có một số người đề xướng rằng, người xuất gia chúng ta nên thay đổi y phục, đổi thành y phục sinh hoạt thường ngày như người thế tục. Điều này về mặt lý thì nói thông được, nhưng về mặt sự thì có nhiều tệ nạn. Người xuất gia đều đổi thành y phục người tại gia, không phân biệt được với người tại gia, nếu người xuất gia ra ngoài làm chuyện xằng bậy thì cũng không ai biết. Cho nên có những vị lão Hòa thượng chủ trương y phục của người xuất gia vẫn là mặc áo Hải thanh thì tốt hơn, sau khi ra ngoài, ít nhất vị ấy cũng phải thu liễm một chút, khuôn phép kỷ luật một chút, nhìn thoáng qua là người ta nhận ra ngay, quả thực là có chỗ tốt này. Y phục người xuất gia chúng ta mặc hiện nay, áo Hải thanh là của thời Hán, áo tràng dài, áo vạt ngắn chúng ta mặc là trang phục thời Minh, trang phục này thực chất mà nói thì thoải mái hơn trang

phục mà người hiện đại mặc. Trang phục người hiện đại mặc đều rất chặt, bó sát vào người, bó chặt cứng, chúng ta nhìn dáng vẻ đó thấy rất đáng thương, dường như rất khổ sở, mặc y phục rộng rãi thoáng mát thì sẽ vô cùng thoải mái. Đây là một chút kiến thức thường thức, nhân đây chúng ta tiện thể nói qua một chút.

Về cúng dường, sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, phương thức sinh hoạt thay đổi rồi, biến đổi rồi, cho nên kiểu cách y phục của chúng ta cũng nhiều lên. Cũng không còn đi khát thực nữa, người Trung Quốc lại không hề coi trọng việc đi khát thực, coi đó là [kẻ] đi ăn mày. Đặc biệt là những vị pháp sư này từ Ấn Độ đến, là do quốc gia thỉnh mời đến, là quốc khách của quốc gia, về sau trở thành Thầy của Hoàng đế. Thầy của Hoàng đế mà ra ngoài đi xin ăn, thì chẳng có ai là không chửi mắng ông Hoàng đế này, ông ấy làm Hoàng đế còn ra thể thống gì nữa? Thế là bắt buộc phải xây dựng nhà ở theo kiểu cung điện. Hoàng đế ở nhà như thế nào, thì Thầy của ngài, cúng dường Thầy cũng phải dùng loại nhà như vậy để cúng dường, như vậy thân phận của đệ tử Phật ở Trung Quốc đã được nâng cao, trở thành bậc Đế vương sư (Thầy của Vua). Người Trung Quốc thời xưa đối với Hoàng đế vô cùng tôn kính, “thượng hành hạ hiệu” (trên làm sao dưới làm vậy), Hoàng đế kính Phật, toàn bộ nhân dân trăm họ trong cả nước người người đều kính Phật. Cho nên nền giáo dục Phật giáo ở Trung Quốc phát triển còn nhanh hơn cả nền giáo dục Nho giáo, Khổng Mạnh, hiệu quả còn to lớn hơn, điều này ảnh hưởng rất sâu đậm đối với văn hóa Trung Quốc.

Thời xưa, tự viện trong thời kỳ đầu là do quốc gia xây dựng, giống như Bạch Mã Tự là do quốc gia xây dựng, đây là ngôi chùa đầu tiên của Trung Quốc. Tại sao lại gọi nó là Tự (寺)? Điều này quý vị cũng bắt buộc phải biết, nếu quý vị hiểu rõ đoạn lịch sử này, quý vị sẽ biết Phật giáo không phải là tôn giáo. Thời nhà Hán, cơ cấu làm việc của chính phủ, tên gọi của cơ quan đó, thì gọi là “Tự”. Dưới quyền Hoàng đế, cơ quan làm việc do Hoàng đế trực tiếp quản lý, tổng cộng có chín đơn vị, tên gọi đều là “Tự”. Trưởng quan (quan đứng đầu) của “Tự” gọi là “Khanh”, chúng ta nghe cổ nhân nói đến tầng lớp “công khanh”, Khanh chính là trưởng quan của Tự. Chế độ chính trị thời cổ đại của Trung Quốc, thực sự mà nói cũng vô cùng tốt, quý vị phải đọc kỹ lịch sử, quý vị sẽ biết, chế độ thời xưa rất tốt. Quân quyền (quyền của vua) và Tướng quyền (quyền của thừa tướng) của nó cũng phân chia rất rõ ràng, quý vị đừng nói Hoàng đế ngày xưa đều chuyên chế, chuyên chế rất ít, không phải Hoàng đế nào cũng chuyên chế, chuyên chế chỉ là số ít, hơn nữa phạm là chuyên chế thì hậu

quả đều sẽ không tốt. Hoàng đế thuở trước đọc sách Thánh hiền, tư tưởng đều vô cùng cởi mở, thực sự có cân nhắc đến đời sống của nhân dân trăm họ, ngại sợ người đời sau chửi mình là một vị Hoàng đế tồi, cho nên quân quyền và tướng quyền phân chia rất rõ ràng. Tể tướng là do ngài bổ nhiệm, thực sự có quyền quản lý chính sự của quốc gia. Cơ quan làm việc dưới quyền Tể tướng gọi là “Bộ”, dưới Tể tướng có sáu bộ, trưởng quan của Bộ lúc bấy giờ gọi là Thượng thư, chúng ta bây giờ gọi là Bộ trưởng, ngày xưa không gọi Bộ trưởng, gọi là Thượng thư, Thượng thư chính là Bộ trưởng. Thị lang chính là Thứ trưởng, giống như chức Phó bộ trưởng mà chúng ta thường gọi hiện nay, có hai vị Thị lang, hai vị Thị lang Tả và Hữu (bên trái và bên phải), cũng giống như hiện nay chúng ta có hai Phó bộ trưởng, hai Thứ trưởng vậy. Do đây có thể thấy, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, thành lập một cơ cấu làm việc thì dùng chữ “Tự”, bình đẳng với các cơ quan làm việc dưới quyền Hoàng đế. Nó là cơ quan làm việc, nó không phải là cái miếu, bên trong không phải để thờ thần, không phải để mọi người đến cúng bái, không phải vậy. Công việc chính của Phật tự năm xưa, thứ nhất là phiên dịch kinh điển, nó là một cơ quan học thuật. Thứ hai là giảng giải, truyền dạy kinh điển, ngày xưa là như vậy. Tên gọi của ngôi tự này dùng từ “Bạch Mã”, người Trung Quốc chúng ta đôn hậu, kính sách, tượng Phật là do ngựa trắng (bạch mã) từ Ấn Độ chở sang, công lao của nó cũng không nhỏ, chúng ta phải tưởng nhớ nó, không được quên ơn nó, cho nên tên của ngôi tự này liền dùng tên “Bạch Mã”. Cái tâm của cổ nhân đôn hậu biết bao, ngay đến súc sinh có công lao mà còn nhớ mãi không quên, huống hồ là con người! Con ngựa trắng được tạc tượng ở Bạch Mã tự lúc bấy giờ, tôi tin chắc chắn là tạc theo đúng hình dáng của con ngựa nguyên bản đó, tạc ra hình dáng đó, để tưởng nhớ nó không quên ngại khó khăn chuyên chở kinh sách, tượng Phật từ Ấn Độ sang Trung Quốc.

Bởi vì hoàn cảnh sinh hoạt không giống nhau, cho nên phương thức cúng dường cũng không giống nhau. Phật pháp lưu truyền cho đến ngày nay, thời đại đã lâu xa, phạm là một sự việc lưu truyền lâu ngày, thì tệ nạn là điều không thể tránh khỏi, tệ nạn hiện nay thì rất nhiều. Người xuất gia thời xưa, quý vị đọc sách cổ, đều là “bần tăng”, người xuất gia, người tu đạo đều rất thanh bần, không có một đồng tiền nào, cho nên đi đến đâu, đích thực đều có người có thiện tâm tự động đến cúng dường. Xã hội hiện nay không giống như vậy, người xuất gia trong xã hội này đều là phú ông, là “phú tăng”, chứ không phải bần tăng. Cúng dường nhiều, tăng mà giàu có, thì rắc rối sẽ ập đến, đạo tâm sẽ

không còn nữa. Phật từ ba ngàn năm trước, đối với xã hội hiện đại này đã nhìn thấy rất rõ ràng, rất tường tận, cho nên trong kinh đã vô số lần nhắc nhở chúng ta, “tích tài táng đạo” (tích lũy tiền tài thì đánh mất đạo). Nếu như coi trọng tiền tài, coi trọng danh lợi, thì đạo tâm sẽ không còn nữa. Các đồng tu tại gia còn có thể tu được một chút phước báo, họ tuy không có đạo tâm, họ còn có thể tu được chút phước. Người xuất gia quý vị tu cái gì? Phước cũng không tu được, nói một câu khó nghe, chính là đang tạo nghiệp. Bây giờ hưởng một chút xíu phước báo, thực chất mà nói cái phước đó là giả, tích lũy nhiều tiền tài như vậy, tích lũy nhiều sản nghiệp như vậy, đều tồn tại trong vọng tưởng của quý vị, đó là khởi vọng tưởng, trên thực tế không có một thứ gì là của mình cả. Quý vị mỗi ngày vẫn mặc y phục xuất gia, quý vị đâu thể may một bộ y phục bằng vàng để mặc, quý vị cũng chỉ ăn ba bữa cơm mà thôi, hưởng thụ thế nào thì cũng có giới hạn. Mà tội nghiệp đã tạo tác, chẳng bao lâu nữa sẽ đến chỗ Diêm La Vương để báo danh, chịu khổ báo trong tam đồ, thời gian đó dài không thể nghĩ bàn! Tại sao có hảo tâm xuất gia mà lại đi tạo tội nghiệp, tương lai lại phải đọa địa ngục, đây há chẳng phải là ngu si sao! Người thế gian còn có loại người nào ngu si hơn loại này nữa? Tôi nghĩ là không có. Người tại gia muốn đọa địa ngục không dễ đâu, phải tạo tội ngũ nghịch mới đọa địa ngục, người xuất gia đọa địa ngục thì quá sức dễ dàng. Cổ nhân thường nói, “địa ngục môn tiền tăng đạo đa” (trước cửa địa ngục có nhiều tăng sĩ và đạo sĩ), câu nói này nói ra rất có đạo lý, không phải nói tùy tiện đâu.

Hiện nay trong Phật môn, việc cúng dường đã trở thành thói quen, chỉ cần quý vị mặc bộ y phục này thì liền có người đến cúng dường. Cúng dường rồi phải làm sao? Phải biết “chuyển cúng dường”; họ cúng dường cho tôi, tôi liền đem bố thí đi nơi khác. Tương lai bản thân không thể thành tựu, thì đúng như câu tục ngữ thường nói: “Kim sinh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn” (Kiếp này không liễu đạo, mang lông đội sừng để đền trả). Tôi chuyển đi bố thí rồi, tương lai phải trả nợ, họ trả thay cho tôi, tôi sẽ không phải trả nữa. Phải suy nghĩ thông suốt điều này, chúng ta nhận được thứ này, hãy mau chóng triển chuyển bố thí (mang đi bố thí tiếp cho người khác), dấu cho tôi không liễu đạo, tương lai trả nợ cũng có rất nhiều người trả thay cho tôi, thì tôi cũng bình an vô sự. Đây là nói về việc cúng dường cơ bản mà Thế Tôn đã giảng trong giới kinh.